**TUẦN 9**

**KIỂM TRA,ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. Khung ma trận**

**1.Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì I

**2. Thời gian làm bài:** 60 phút.

**3. Hình thức kiểm tra:**Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

**4. Cấu trúc:**

- Mức độ đề:40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu; mỗi câu 0,25 điểm;

- Phần tự luận: 6,0 điểm (gồm 5câu: Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2 điểm; Vận dụng: 2 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

**5. Chi tiết khung ma trận**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ** | | | | | | | | **Tổng số ý/câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| **CI. Mở đầu về khoa học tự nhiên (13T)** |  | 7  1,75đ | 1  1đ |  | 1  2đ |  |  |  | 3 | 9 | 4,75đ |
| **CII. Chất quanh ta**  **( 8T)** |  | 4  1đ | 1  1đ |  |  |  | 1  1đ |  | 2 | 1 | 3đ |
| **CIII. Một số vật liệu tự nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm. ( 6T)** | 1  1đ | 1  0.25đ |  | 4  1đ |  |  |  |  | 1 | 6 | 2,25đ |
| **Tổng số ý/câu** | **1** | **12** | **2** | **4** | **1** | **0** | **1** | **0** | **5** | **16** |  |
| **Điểm số** | **1** | **3,0** | **2** | **1,0** | **2** | **0** | **1** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10 đ** |
| **Tổng số điểm** | **4 điểm** | | **3 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

II. BẢN ĐẶC TẢ

| **Nội dung** | | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (câu) | TN  (câu) |
| **Chương I.Mở đầu về khoa học tự nhiên(13T)** | | | | |  |  |  |  |
| 1. Giới thiệu về KHTN  2. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  3. Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên  - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.  - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành  – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. | |  | **7** |  | C1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.  – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.  - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...).  .- Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. | | **1** |  | C17 |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng các phương pháp đo giải quyết các vấn đề thực tế | | **1** |  | C18 |  |
| **Chương II. Chất quanh ta( 8T)** | | | | |  |  |  |  |
|  |  | | | - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Các thể (trạng thái) của chất***  - Sự đa dạng của chất  - Ba thể (trạng thái) cơ bản của chất  - Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học).  - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. | **1** |  | C19 |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát.  - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.  - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. |  |  |  |  |
| 1. ***Oxygen (oxi) và không khí*** | **Nhận biết** | - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).  - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.  - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).  - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  | 4 |  | C 8, 9, 10, 11 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.  - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.  - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.  – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | **1** |  | C20 |  |
| **Chương III. Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng (6T)** | | | |  |  |  |
| Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực,  thực phẩm thông dụng | **Nhận biết** | - Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. | **1** | **1** | C21 | C12 |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:  + Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh, ...);  + Một số nhiên liệu ( than, gas, xăng dầu,…); sơ lược về an ninh năng lượng;  + Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi,…)  + Một số lương thực, thực phẩm. |  | **4** |  | C 13, 14, 15, 16 |
| **Vận dụng cao** | – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng.  – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |

III. DỀ BÀI:

A. TRẮC NGHIỆM ( 4 điểm)

**Câu 1.**Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

A. Vật lí học B. Khoa học Trái Đất C. Thiên văn học D. Tâm lí học

**Câu2.** Đối tượng nghiên cứu nào sau đây là của khoa học tự nhiên?

A. Nghiên cứu về tâm lí của vận động viên bóng đá.

B. Nghiên cứu về lịch sử hình thành vũ trụ.

C. Nghiên cứu về ngoại ngữ.

D. Nghiên cứu về luật đi đường

**Câu3.** Lĩnh vực chuyên nghiên cứu về thực vật thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?

A.Vật lí. B. Hoá học.

C. Sinh học. D. Khoa học Trái Đất.

**Câu 4.** Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

A. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bè trong lớp.

B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.

C. Không mang đồ ăn vào phòng thực hành.

D. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

**Câu 5.**Nhiệt độ là số đo

A. độ “nóng” cuả vật. B. độ “lạnh” cuả vật.

C. số đo độ “nóng, lạnh” của nhiệt kế. D. số đo độ “nóng, lạnh” của vật.

**Câu 6.** Cách đặt thước đo đúng:

A. Đặt thước đo dọc theo độ dài cần đo, vạch số 0 sát mép bên phải một đầu cần đo.

B. Đặt thước đo dọc theo độ dài cần đo, vạch số 0 ngang với một đầu của vật.

C. Đặt thước đo dọc theo độ dài cần đo, vạch số 0 vuông góc với một đầu của vật.

**D. Đặt thước đo dọc theo độ dài cần đo, vạch số 0 sát mép bên trái một đầu cần đo**

**Câu 7.** Lĩnh vực chuyên nghiên cứu về năng lượng thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?

A. Hóa học. B. Sinh học. C. Vật lí . D. Thiên văn học.

**Câu 8.** Trong không khí oxygen chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm thể tích?

A. 21%. B. 79%. C. 78%. D. 15%.

**Câu 9.** Điều nào sau đây không đúng?

A. Sự bay hơi là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể khí (hơi) ở bề mặt chất lỏng.

B. Sự nóng chảy là quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng.

C. Sự ngưng tụ là quá trinh chuyển từ thể lỏng sang thể rắn.

D. Sự sôi là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể khí xảy ra ở nhiệt độ xác định.

**Câu 10.** Sự chuyển từ thể rắn sang thể lỏng được gọi là sự

A. bay hơi.            B. nóng chảy C. sôi.              D. ngưng tụ.

**Câu 11.** Quá trình chất ở thể hơi chuyển sang thể lỏng được gọi là

A. Sự nóng chảy B. Sự đông đặc C. Sự hoá hơi D. Sự ngưng tụ

**Câu 12.** Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

A. Thủy tinh .         B. Kim loại.           C. Cao su.             D. Gốm.

**Câu 13.** Vật liệu nào sau đây được làm lốp xe, đệm?

A. Nhựa.                B. Thủy tinh.                   C. Kim loại. D. Cao su

**Câu 14.** Khi gỗ được sử dụng để làm nhà, thì gỗ được gọi là

A. vật liệu.  B. nhiên liệu . C. nguyên liệu.              D. phế liệu.

**Câu 15.** Vật liệu nào sau đây hầu như **không thể**tái sinh?

A. Bông.                                                     B. Gỗ.

C. Dầu thô.                                                 D. Nông sản.

**Câu 16.** Trong một đoạn dây điện, phần nào của dây là chất dẫn điện:

A. Phần vỏ nhựa của dây B. Phần đầu của đoạn dây

C. Phần cuối của đoạn dây D. Phần lõi của dây

**B. TỰ LUẬN ( 6 điểm)**

**Câu 17**( 1điểm). Hãy mô tả cách đo chiều cao của hai bạn trong lớp em?

**Câu 18**( 2 điểm). Khi có các loại cân sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Loại cân | Cân đồng hồ | Cân robecvan | Cân điện tử |
| Vị Thanh hiệu chỉnh cân đồng hồ các chợ - Hoa Sen Vàng | Cân robervan, cân kỹ thuật | Cân Tiểu Ly Điện Tử 3kg 0.01g Lave Sử Dụng Sạc Có Kính Chắn Gió - Độ Chính  Xác Cao - Bảo Hành 1 Năm ( Màu trắng ) | Lazada.vn |
| Đặc điểm | Giá trị chia độ 200g; sai số 300g | Có các quả cân: 100 gram, 200 gram, 500 gram, 2000 gram - 2kg. | Cân tối đa : 3kg độ chia 0.01g,có độ chính xác, độ nhạy cao. |

Em sẽ dùng các loại cân nào để cân các vật dụng sau và hãy giải thích lựa chọn của mình?

a. Bao gạo.

b. Nhẫn trang sức bằng vàng.

c. 300 gram muối (dùng cho thí nghiệm)

**Câu 19** (1đ). Giấm ăn (chứa acetic acid) có những tính chất sau: là chất lỏng, không màu, vị chua, hoà tan được một số chất khác, làm giấy quỳ màu tím chuyển sang màu đỏ; khi cho giấm vào bột vỏ trứng thì có hiện tượng sủi bọt khí.

Theo em, trong các tính chất trên, đâu là tính chất vật lí, đâu là tính chất hoá học của giấm ăn?

**Câu 20**(1đ). Vì sao trong thành phố lớn , dân cư đông đúc, phương tiện giao thông lưu thông với mật độ lớn hay ở các khu công nghiệp người ta lại dành ra một phần diện tích để trồng cây xanh?

**Câu 21 (1 điểm).**  Hãy kể tên các vật liệu được sử dụng để làm bánh xe, khung xe của một chiếc xe đạp ?

IV. ĐÁP ÁN

A. TRẮC NGHIỆM

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CÂU | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| ĐÁN ÁN | D | B | C | D | D | D | B | A |
| ĐIỂM | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 |
| CÂU | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| ĐÁN ÁN | C | B | D | B | C | C | C | A |
| ĐIỂM | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 |

B. TỰ LUẬN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | *NỘI DUNG* | ĐIỂM |
| **17** | *Cách đo chiều cao của hai bạn trong lớp:*  + Bước 1: Ước lượng chiều cao của 2 bạn (khoảng 150 cm)  + Bước 2: Chọn thước đo có GHĐ và ĐCNN phù hợp  (chọn thước GHĐ: 2m; ĐCNN: 0,1cm)  + Bước 3: Đặt thước đo dọc theo chiều cao của người, chân của người trùng với vạch số 0.  + Bước 4: Đặt mắt vuông góc với cạnh thước (mặt số của thước), đọc giá trị chiều cao của 2 bạn theo giá trị của vạch chia gần nhất so với đầu kia.  + Bước 5: Ghi kết quả đo theo đơn vị ĐCNN cho mỗi lần đo | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| **18** | - Cân đồng hồ dùng để cân bao gạo vì bao gạo có kích thước lớn, khối lượng lớn.  - Cân robecvan đùng để cân muối trong phòng thí nghiệm với lượng nhỏ.  - Cân tiểu ly dùng cân vàng vì độ chính xác cao và sai số thấp. |  |
| **19** | Tính chất vật lí: chất lỏng, không màu, vị chua, hoà tan được một số chất khác.  Tính chất hoá học: làm giấy quỳ màu tím chuyển sang màu đỏ; khi cho giấmvào bột vỏ trứng thì có hiện tượng sủi bọt kh | **0,5 đ**  **0,5 đ** |
| **20** | Vật liệu làm bánh xe là cao su, kim loại (inox, sắt,…)  Vật liệu làm khung xe là kim loại (sắt, inox,...) | **0,5 đ 0,5 đ** |